TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2024/HS-ST
Ngày 22-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Sơn**

Bà **Ngô Thị Thúy Hảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà **Lương Ngọc T** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 236/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T1, sinh năm 1993, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở khi bị bắt: A đường Y, Phường D, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố: Nguyễn Văn T2 và mẹ: Nguyễn Thị Đài T3;

Tiền án: Bản án số: 226/2020/HS-ST ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân TP . Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" (Bản án áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm"), chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2021, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Ngày 06/02/2023 bị Tòa án nhân dân TP . Vũng Tàu ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 14 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý", ngày 06/12/2023 chấp hành xong.

Nhân thân: Bản án số: 151/2008/HSST ngày 09/5/2008, Tòa án nhân dân TP . Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án

treo về tội "Cướp tài sản"; Bản án số: 84/2011/HS-ST ngày 11/5/2011, Tòa án nhân dân TP . Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù, về tội "Cướp giật tài sản" ; bản án số: 07/2015/HSST ngày 03/02/2015, Tòa án nhân dân TP . Vũng Tàu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt, tạm giam ngày 05 tháng 5 năm 2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (Có mặt).

2. Trần Tuấn A, sinh năm 1998, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở khi bị bắt: D đường B, phường N, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 3/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố: Trần Văn N và mẹ: Danh Thị T4; tiền án: Không; tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 07/2015/HSST ngày 04/02/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 07 năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2020, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Bị bắt, tạm giam ngày 05 tháng 5 năm 2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (Có mặt).

3. Phạm Vĩnh P, sinh năm 1995, tại TP .; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, TP .; nơi ở khi bị bắt: 780/37/11 đường B, Phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 01/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố: Phạm Văn B và mẹ: Lê Ngọc Á; vợ: Đặng Kim D và có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 05/5/2024 đến ngày 14/5/2024 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, trú tại: 7 đường B, Phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt).

Bị hại:

1. Anh Tào Quang N1, sinh năm 1981. Địa chỉ: D B khu 5 tầng, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

2. Anh Lê Viết H, sinh năm 1986. Địa chỉ: C B khu 5 tầng, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**.** (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Minh T5, sinh năm 1991. Địa chỉ: G B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 02/5/2024, bị cáo Nguyễn Minh T1 gọi điện thoại cho bị cáo Trần Tuấn A rủ đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo Tuấn A đồng ý. Đến khoảng 01giờ ngày 03/5/2024, bị cáo Tuấn A lấy xe mô tô, BKS: 83PT – 104.73

của bà Danh Thị T4 (mẹ Tuấn A) qua nhà chở bị cáo T1, bị cáo T1 chỉ đường cho bị cáo Tuấn A chạy vòng quanh khu chung cư E tầng, Phường G, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để tìm tài sản lấy trộm. Khi chạy đến trước khu vực dãy nhà B1 chung cư 5 tầng, bị cáo T1 thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xanh-xám-bạc, BKS: 60T2 – 6189 của anh Tào Quang N1 để trên vỉa hè, xe không khóa cổ, bị cáo T1 nói bị cáo Tuấn A dừng xe lại rồi đi bộ đến lấy trộm chiếc xe trên dắt đi, đi được một đoạn Tân thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ - đen, BKS: 72C1 – 212.16 của anh Lê Viết H đang để ở khu vực cầu thang dãy nhà B1 chung cư 5 tầng, xe cũng không khóa cổ nên nảy sinh ý định lấy trộm luôn chiếc xe này. Lúc này, bị cáo T1 ngồi lên chiếc xe Yamaha Jupiter BKS: 60T2 – 6189 cho bị cáo Tuấn A đẩy xe về khu vực hẻm D B, Phường N, TP ., gần nhà của bị cáo Tuấn A cất giấu. Sau đó, cả hai chạy xe quay lại dãy nhà B1 khu 5 tầng lấy trộm chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo BKS: 72C1 – 212.26 và mang đi cất giấu cùng vị trí với xe mô tô Yamaha Jupiter trên, sau đó cả hai về nhà ngủ.

Khoảng gần 07giờ 00phút cùng ngày, bị cáo T1 gọi cho bị cáo Phạm Vĩnh P nhờ bán hai chiếc xe máy vừa lấy trộm được. Sau đó, bị cáo T1 và bị cáo Tuấn A mang hai chiếc xe trên đến khu K gặp bị cáo P, khi đến khu vực ngã tư C thì xe hết xăng nên bị cáo T1 gọi cho bị cáo P đến đẩy xe về giúp. Bị cáo P chạy đến đẩy xe mô tô Yamaha Nouvo BKS: 72C1 – 212.26 do bị cáo T1 điều khiển về quán C ở đường H, Phường A, TP . trước. Sau đó, bị cáo P mượn xe mô tô của người quen đưa cho bị cáo T1 chạy quay lại tiếp tục đẩy xe mô tô Yamaha Jupiter BKS: 60T2 – 6189 do bị cáo Tuấn A điều khiển về quán cà phê M. Tại đây, bị cáo T1 nói cho bị cáo P biết hai chiếc xe trên do bị cáo T1 và bị cáo Tuấn A lấy trộm ở khu B, TP . và nói bị cáo P mua xe để đi, bị cáo P biết xe do bị cáo T1 lấy trộm nên không dám mua, bị cáo T1 nhờ bị cáo P tìm chỗ bán xe giúp. Bị cáo P đồng ý và gọi điện cho anh Trần Minh T5 – Chủ vựa thu mua bán ve chai, phế liệu, địa chỉ: G B, Phường A, TP . hỏi bán hai chiếc xe trên. Anh T5 đồng ý mua xe tay ga với giá 1.300.000đồng, còn mua xe số với giá 900.000đồng. Để hưởng tiền chênh lệnh, bị cáo P báo lại với T1 xe Yamaha Nouvo BKS: 72C1 – 212.26 bán được với giá 1.000.000đồng, xe số Yamaha Jupiter BKS: 60T2 – 6189 bán được với giá 900.000đồng, bị cáo T1 đồng ý bán. Do T5 đang đi TP . Hồ Chí Minh nên hẹn bị cáo P lúc 14 giờ cùng ngày mang xe qua vựa ve chai của anh T5. Thấy chưa bán xe được ngay, bị cáo T1 xin bị cáo P cho gửi nhờ hai xe máy trên khu vực bãi đất trống cạnh gara H, nơi bị cáo P đang làm việc (đối diện quán cà phê M) và mượn bị cáo P số tiền 1.000.000đồng để tiêu xài, bị cáo T1 đưa cho bị cáo Tuấn A 500.000đồng và cả hai đi xe ôm về.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bị cáo T1 đi đến gara H P1 gọi bị cáo P đi bán xe, cả hai lấy xe mô tô Yamaha Jupiter BKS: 60T2 – 6189 chạy qua vựa ve chai của anh T5, bị cáo P gặp anh T5 trao đổi bán xe còn bị cáo Tân ngồi ở xa đợi. Theo lời khai của bị cáo P thì khi đó anh T5 có hỏi nguồn gốc xe, bị cáo P nói xe của bạn đi siết nợ, nhưng anh T5 không thừa nhận việc này, anh T5 cho rằng bị cáo P nói với anh T5 xe là của nhà bị cáo P để trong kho lâu ngày không chạy, anh T5 nghĩ xe cũ để bán phế liệu nên không hỏi giấy tờ. Còn một xe nữa, bị cáo P nhờ

anh T5 cho người chở bị cáo P về lấy. Anh T5 gọi anh Ngô Thành Q là người làm công ở vựa ve chai đi ra chở bị cáo P về. Trên đường đi anh Q hỏi bị cáo P về nguồn gốc hai chiếc xe trên, bị cáo P nói xe đi siết nợ của người ta. Lúc này anh Q có nghi ngờ xe là tài sản trộm cắp, nhưng vẫn tin xe đi siết nợ và không hỏi thêm. Tới gara Hùng P2, bị cáo P đi vào dắt xe mô tô Yamaha Nouvo BKS: 72C1 – 212.26 ra cho anh Q đẩy về vựa ve chai bán cho anh T5. Anh T5 mua hai xe tổng giá tiền là 2.200.000đồng. Đến khoảng 16 giờ chiều cùng ngày, anh T5 kêu anh Q tháo rời các bộ phận của hai xe máy trên ra để phân loại bán phế liệu. Bị cáo P nhận 2.200.000đồng từ anh T5, trừ đi số tiền 1.000.000đồng mà bị cáo Tân mượn lúc sáng và 300.000đ tiền chênh lệch, còn lại đưa cho bị cáo T1 số tiền 900.000đồng, bị cáo T1 cho bị cáo P 200.000 đồng. Sau đó, bị cáo T1 đi xe ôm về trước, còn bị cáo P nhờ anh Q chở quay lại gara làm việc tiếp. Bị cáo T1 gặp đưa cho bị cáo Tuấn A thêm 300.000đồng. Toàn bộ số tiền trên, các bị cáo đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐG-TTHS ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thuộc U, tỉnh BR-VT, kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, BKS: 60T2 – 6189 có giá trị 3.500.000 đồng; xe mô tô Yamaha Nouvo, BKS: 72C1 – 212.26 có giá trị 5.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo T1 và bị cáo Tuấn A chiếm đoạt là 9.000.000đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Nguyễn Minh T1, Trần Tuấn A và Phạm Vĩnh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các chứng cứ khác.

** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:* Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Minh T1, Trần Tuấn A và Phạm Vĩnh P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị can Phạm Vĩnh Phúc phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến thắng, Huân chương Vì giai cấp nông dân Việt Nam là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:*

Cơ quan chức năng đã tiến hành thu giữ: 01 khung sườn xe mô tô số khung: RLCJ5VT205Y107641, 01 cục máy xe mô tô số máy: 5VT2107641 và 01 biển số 60T2 – 6189 (các bộ phận của xe mô tô nhãn hiệu Yamha Jupiter, màu X - Xám - Bạc, BKS: 60T2 – 6189); 01 khung sườn xe mô tô số: 110CY455774, 01 cục máy xe mô tô số: 5P11455777 và 01 biển số 72C1 – 212.16 (các bộ phận của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu Đỏ - Đen, BKS: 72C1 – 212.16); 01 (một) mô tô hiệu KWASHAKI, màu Vàng – Đen - Bạc, biển số: 83PT – 104.73, Số khung: PKDH018839, Số máy: FMB00028839; 02 (hai) đĩa DVD chứa các đoạn video ghi nhận hình ảnh các đối tượng lấy trộm hai xe mô tô BKS: 72C1 – 212.16 và BKS: 60T2 – 6189.

Cơ quan chức năng đã xử lý một số tài sản, vật chứng như sau:

- Trả lại cho anh Tào Quang N1 các tài sản gồm: 01 khung sườn xe mô tô số khung: RLCJ5VT205Y107641, 01 cục máy xe mô tô số máy: 5VT2107641 và 01 biển số 60T2 – 6189.

- Trả lại cho anh Lê Viết H các tài sản gồm: 01 khung sườn xe mô tô số: 110CY455774, 01 cục máy xe mô tô số: 5P11455777 và biển số 72C1 – 212.16.

- Đối với xe mô tô hiệu KWASHAKI, màu Vàng – Đen - Bạc, Biển số: 83PT – 104.73, Số khung: PKDH018839, Số máy: FMB00028839 qua xác minh, xác định là tài sản của chị Danh Thị T4, sinh năm: 1975, HKTT: Ấp T, TT C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nơi ở hiện tại: D B, phường N, TP . là mẹ của bị cáo Trần Tuấn A. Chị T4 không biết bị cáo Tuấn A sử dụng xe của mình làm phương tiện gây án nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe cho chị T4.

Còn lại 02 (hai) đĩa DVD chứa các đoạn video ghi nhận hình ảnh các đối tượng lấy trộm hai xe mô tô được chuyển theo hồ sơ vụ án.

* *Về phần dân sự:* Anh Lê Viết H và Tào Quang N1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Anh Trần Minh T5 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Bản cáo trạng số 236/CT-VKSTPVT ngày 19-7-2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Minh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Tuấn A về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Vĩnh P đã vào phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Ngô Thành Q và anh Trần Minh T5 là người tiếp nhận, thu mua 02 xe mô tô Yamaha Jupiter, BKS: 60T2 – 6189 và Yamaha Nouvo, BKS: 72C1 – 212.16, nhưng không biết rõ tài sản là do bị cáo Trần Tuấn A và bị cáo Nguyễn Minh T1 phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để xử lý hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Minh T1, Trần Tuấn A và Phạm Vĩnh P đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Các bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A về tội "Trộm cắp tài sản", truy tố bị cáo Phạm Vĩnh P về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Vĩnh P từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Minh T1, Trần Tuấn A và Phạm Vĩnh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 01 giờ ngày 03/5/2024, tại khu vực chung cư E tầng, Phường G, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số: 60T2 – 6189 của anh Tào Quang N1, rồi mang về hẻm D đương B, phường N, TP . cất giấu. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự giá trị chiếc xe là 3.500.000đồng.

Sau đó, bị cáo T1 và bị cáo Tuấn A tiếp tục quay lại khu vực chung cư E tầng, Phường G, TP . lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển số: 72C1 – 212.16 của anh Lê Viết H. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự giá trị chiếc xe là 5.500.000đồng.

Tổng giá trị 02 xe mô tô bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A trộm cắp được là 9.000.000đồng

Khoảng gần 07giờ 00 cùng ngày, bị cáo T1 gọi cho bị cáo Phạm Vĩnh P nhờ bán hai chiếc xe máy vừa lấy trộm được, mặc dù biết 02 chiếc xe này do bị cáo T1 và bị cáo Tuấn A trộm cắp được mà có, nhưng bị cáo P vẫn đồng ý. Sau đó, bị cáo P gọi điện cho anh Trần Minh T5 – Chủ vựa thu mua bán ve chai, phế liệu, địa chỉ: G đường B, Phường A, TP . hỏi bán hai chiếc xe trên. Các bị cáo đã bán hai xe được 2.200.000đồng, bị cáo P được hưởng 500.000đồng, số tiền còn lại bị cáo T1 và bị cáo Tuấn A đã chia nhau tiêu xài.

Hành vi bị cáo Nguyễn Minh T1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã "Tái phạm" chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi

phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp "Tài phạm nguy hiểm" là tình tiết dịnh khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi bị cáo Trần Tuấn A đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi bị cáo Phạm Vĩnh P đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của các bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội; các bị cáo là người đã trưởng thành, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài, các bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội 02 trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Các bị cáo Nguyễn Minh T1, Trần Tuấn A và Phạm Vĩnh P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phạm Vĩnh P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có công với cách mạng, có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến thắng, Huân chương Vì giai cấp nông dân Việt Nam là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất đồng phạm và hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, vai trò của bị cáo T1 là lớn hơn bị cáo Tuấn A, bị cáo T1 là người rủ rê, trực tiếp liên hệ để bán tài sản chiếm đoạt được nên bị cáo T1 phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Tuấn A. Áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A.

Bị cáo Phạm Vĩnh P có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo đã ăn năn về hành vi của mình, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi gia đình và xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để

giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo. Vì vậy, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Đã xử lý xong.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T1 và bị cáo Trần Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Phạm Vĩnh P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

1.1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2024.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2024.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Vĩnh P 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 22-8-2024).

Giao bị cáo Phạm Vĩnh P cho Ủy ban nhân dân phường A1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; Nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh T1, Trần Tuấn A và Phạm Vĩnh P**,** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Các bị cáo, Người tham gia tố tục khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kiên